

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 993/QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH**Công bố Định mức tạm thời về chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư
ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước****BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2011/TT-BTTTT ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

Xét đề nghị của Cục Ứng dụng Công nghệ thông tin;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Định mức tạm thời về chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo, sử dụng vào việc xác định chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Minh Hồng**

**ĐỊNH MỨC CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN VÀ CHI PHÍ TƯ VẤN
ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN SỬ DỤNG
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 993/QĐ-BTTTT
ngày 01/7/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

1. Hướng dẫn chung

1.1. Định mức chi phí quản lý dự án và định mức chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin công bố tại Quyết định này bao gồm các chi phí cần thiết để hoàn thành các công việc quản lý dự án và tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Căn cứ điều kiện cụ thể của dự án, chủ đầu tư xem xét quyết định việc áp dụng định mức chi phí để xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin. Trường hợp định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn theo công bố tại Quyết định này không phù hợp (không đủ chi phí hoặc thừa chi phí) thì chủ đầu tư xem xét quyết định điều chỉnh định mức hoặc lập dự toán để xác định chi phí.

1.2. Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin được xác định trên cơ sở các quy định về dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; loại dự án, các bước thiết kế, loại hình công việc, yêu cầu, nội dung của công việc quản lý dự án và tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin. Các quy định về dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước nêu trên thực hiện theo Luật Công nghệ thông tin, Nghị định số 102/2009/NĐ-CP của Chính phủ, các hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn hiện hành có liên quan.

1.3. Trường hợp dự án có quy mô nằm trong khoảng quy mô theo công bố tại Quyết định này thì định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin xác định theo công thức sau:

$$N_t = N_b \frac{N_b - N_a}{G_a - G_b} \times (G_t - G_b) \quad (1)$$

Trong đó:

- N_t : Định mức chi phí quản lý dự án, tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin theo quy mô giá trị xây lắp hoặc quy mô giá trị thiết bị hoặc quy mô giá trị xây lắp và quy mô giá trị thiết bị cần tính; đơn vị tính: tỷ lệ %;

- G_t : Quy mô giá trị xây lắp hoặc quy mô giá trị thiết bị hoặc quy mô giá trị xây lắp và quy mô giá trị thiết bị cần tính định mức chi phí quản lý dự án, tư vấn đầu tư

ứng dụng công nghệ thông tin; đơn vị tính: giá trị;

- Ga: Quy mô giá trị xây lắp hoặc quy mô giá trị thiết bị hoặc quy mô giá trị xây lắp và quy mô giá trị thiết bị cận trên quy mô giá trị cần tính định mức; đơn vị tính: giá trị;

- Gb: Quy mô giá trị xây lắp hoặc quy mô giá trị thiết bị hoặc quy mô giá trị xây lắp và quy mô giá trị thiết bị cận dưới quy mô giá trị cần tính định mức; đơn vị tính: giá trị;

- Na: Định mức chi phí quản lý dự án, tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin tương ứng với Ga; đơn vị tính: tỷ lệ %;

- Nb: Định mức chi phí quản lý dự án, tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin tương ứng với Gb; đơn vị tính: tỷ lệ %;

1.4. Trường hợp dự án có quy mô lớn hơn quy mô theo công bố tại Quyết định này thì định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin xác định theo phương pháp ngoại suy theo hai giá trị cận trên hoặc lập dự toán để xác định chi phí.

1.5. Các dự án ứng dụng công nghệ thông tin quy định trong Quyết định này được phân loại như sau:

a) Dự án hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin gồm: dự án đầu tư phần cứng máy tính và mạng máy tính (đầu tư, lắp đặt router, access point, firewall, lắp đặt máy tính cá nhân, thiết bị lưu trữ, thiết bị in ấn, thiết bị lưu điện và thiết bị ngoại vi khác, cài đặt phần mềm thương mại,...; cáp truyền dẫn, vật liệu kết nối, máy chủ, mạng LAN, WAN, MAN, mạng máy tính khác,...);

b) Dự án phần mềm, cơ sở dữ liệu: dự án phát triển, nâng cấp, chỉnh sửa phần mềm nội bộ, tạo lập và phát triển cơ sở dữ liệu.

1.6. Trường hợp dự án bao gồm cả Hạ tầng kỹ thuật và Phần mềm, cơ sở dữ liệu thì chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn được xác định riêng theo từng phần sau đó cộng tổng để tính chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn chung của cả dự án.

1.7. Việc xác định và quản lý chi phí thuê tư vấn nước ngoài thực hiện theo các quy định hiện hành.

1.8. Trường hợp dự án có xây dựng nhà trạm, liên quan đến công trình xây dựng thì áp dụng theo quy định của Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Hướng dẫn áp dụng định mức chi phí quản lý dự án

2.1. Chi phí quản lý dự án xác định theo Định mức chi phí quản lý dự án công bố tại Quyết định này là nguồn kinh phí cần thiết cho chủ đầu tư để tổ chức quản lý việc thực hiện các công việc quản lý dự án từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư đến khi hoàn thành, nghiệm thu bàn giao, đưa dự án vào khai thác sử dụng; cụ thể như sau:

- Chi phí tổ chức lập dự án khả thi ứng dụng công nghệ thông tin, Báo cáo nghiên

cứu khả thi và Báo cáo đầu tư (sau đây gọi chung là dự án đầu tư);

- Chi phí tổ chức việc thẩm định dự án đầu tư;
- Chi phí tổ chức thẩm định thiết kế thi công và tổng dự toán ứng dụng công nghệ thông tin;
- Chi phí tổ chức việc lựa chọn nhà thầu trong hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;
- Chi phí tổ chức việc quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ, chi phí;
- Chi phí tổ chức việc phòng chống cháy nổ và an toàn vận hành, bảo đảm an ninh, quốc phòng, bảo vệ môi trường theo các quy định hiện hành của Nhà nước;
- Chi phí tổ chức việc lập định mức, đơn giá ứng dụng công nghệ thông tin;
- Chi phí tổ chức việc kiểm tra chất lượng vật liệu, thiết bị, kiểm thử phần mềm; đánh giá chất lượng sản phẩm; giám định công nghệ;
- Chi phí tổ chức việc nghiệm thu, thanh toán, quyết toán hợp đồng; thanh toán, quyết toán vốn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;
- Chi phí tổ chức việc nghiệm thu, bàn giao dự án;
- Chi phí khởi công, khánh thành, tuyên truyền quảng cáo;
- Chi phí tổ chức việc thực hiện các công việc quản lý khác.

2.2. Chi phí quản lý dự án tính theo định mức công bố tại Quyết định này bao gồm: chi phí tiền lương; chi tiền công trả cho lao động theo hợp đồng; các khoản phụ cấp tiền lương; tiền thưởng, phúc lợi tập thể; các khoản trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, chi phí cho các dịch vụ công cộng; vật tư văn phòng phẩm; thông tin, tuyên truyền; hội nghị, hội thảo, tập huấn, đào tạo nghiệp vụ; công tác phí; thuê mướn (thuê nhà làm việc, thuê phương tiện đi lại, thiết bị làm việc,...); chi đoàn ra, đoàn vào; chi phí mua sắm tài sản phục vụ quản lý; chi phí sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản của ban quản lý; các khoản phí, lệ phí và các chi phí khác có liên quan.

2.3. Chi phí quản lý dự án trong tổng mức đầu tư (chưa có thuế giá trị gia tăng) xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (định mức công bố tại Bảng số 1 trong Quyết định này) và nhân với chi phí xây lắp và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư được duyệt. Chi phí quản lý dự án trong dự toán (chưa có thuế giá trị gia tăng) xác định theo định mức tỷ lệ phần trăm (%) (cùng định mức tỷ lệ % sử dụng để tính chi phí quản lý dự án trong tổng mức đầu tư nói trên) và nhân với chi phí xây lắp và thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) của dự toán được duyệt.

2.4. Chi phí quản lý dự án của các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin tại hải đảo, tại biên giới được xác định theo định mức công bố tại Quyết định này và điều chỉnh với hệ số $K = 1,35$. Chi phí quản lý dự án của các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành được xác định theo định mức công bố tại Quyết định này và điều

chỉnh với hệ số $K = 1,25$.

2.5. Trường hợp dự án bao gồm các dự án thành phần thì chi phí quản lý dự án được xác định riêng theo quy mô của từng dự án thành phần. Trường hợp dự án trải dài trên địa bàn nhiều tỉnh thì chi phí quản lý dự án được xác định theo định mức công bố tại Quyết định này và điều chỉnh với hệ số $K = 1,1$. Trường hợp dự án gồm các công trình riêng biệt được xây lắp trên địa bàn các tỉnh khác nhau thì chi phí quản lý dự án được xác định theo quy mô chi phí xây lắp và chi phí thiết bị trong dự toán của từng công trình được duyệt.

2.6. Chi phí cho bộ phận kiêm nhiệm của chủ đầu tư để tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động của ban quản lý dự án trực thuộc; hoạt động của các dự án được đầu tư theo hình thức hợp đồng (như BOT, BT, BTO, BOO) và việc thực hiện hợp đồng của tư vấn quản lý dự án được xác định bằng dự toán. Chi phí này được trích từ nguồn kinh phí quản lý dự án.

2.7. Trường hợp tổng thầu thực hiện một số công việc quản lý dự án thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư thì tổng thầu được hưởng một phần chi phí quản lý dự án tùy thuộc nhiệm vụ do chủ đầu tư giao. Chi phí để tổng thầu thực hiện các công việc quản lý dự án này do chủ đầu tư và tổng thầu thỏa thuận xác định. Chi phí này được trích từ nguồn kinh phí quản lý dự án của chủ đầu tư.

2.8. Trường hợp chủ đầu tư có đủ điều kiện năng lực để kiêm nhiệm thực hiện một số công việc tư vấn trong quá trình quản lý dự án thì chi phí thực hiện các công việc tư vấn được tính bổ sung vào nguồn kinh phí quản lý dự án. Việc quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án và chi phí thực hiện các công việc tư vấn nói trên thực hiện theo quy định hiện hành. Trường hợp chủ đầu tư tổ chức bộ phận chuyên trách để tự thực hiện một số công việc tư vấn trong quá trình quản lý dự án thì chi phí thực hiện các công việc tư vấn nói trên được xác định theo hướng dẫn tại Quyết định này.

2.9. Trường hợp thuê tư vấn quản lý dự án thì chi phí thuê tư vấn quản lý dự án xác định theo hướng dẫn hướng dẫn tại điểm 3.1.5 mục 3 trong Quyết định này.